

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821101)

Ngày thi: 28/01/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

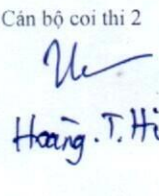
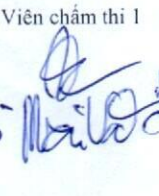
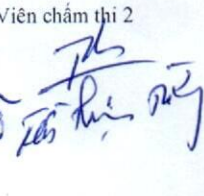
STT	Mã SV	Họ và Tên	Bằng	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124330043	Nguyễn Hải	Bằng	14/04/2006	CCQ2433B	1	Bằng	7.3	10.0	8.9	
2	2124330012	Dương Hữu	Bảo	22/09/2004	CCQ2433A	1	Dương	7.2	6.5	6.8	
3	2124330016	Trần Phước	Bảo	06/09/2006	CCQ2433A			0.0			
4	2123050142	Đỗ Thanh	Cao	22/06/2005	CCQ2305D	1	Cao	7.0	4.5	5.5	
5	2124330070	Trần Văn	Công	28/04/2006	CCQ2433B	1	Công	7.5	2.0	4.2	
6	2124330060	Nguyễn Chí	Đạt	08/02/2005	CCQ2433B	1	Đạt	8.2	9.0	8.7	
7	2124330059	Phạm Anh	Đạt	08/05/2006	CCQ2433B	1	Phạm	6.8	5.8	6.2	
8	2124330062	Võ Đăng Thành	Đạt	08/03/2002	CCQ2433B	1	Võ	8.3	9.0	8.7	
9	2124330039	Nguyễn Duy	Đức	19/09/2004	CCQ2433A			0.0			
10	2123050217	Bùi Quốc	Duy	06/01/2004	CCQ2305D	1	Duy	7.7	8.0	7.9	
11	2124330053	Võ Nhật Quang	Hải	24/01/2006	CCQ2433B			5.3			
12	2124330018	Phạm Thế	Hào	07/07/2006	CCQ2433A			0.0			
13	2124330045	Võ Minh	Hiển	23/06/2006	CCQ2433B	1	Hiển	7.0	5.0	5.8	
14	2124330038	Lê Văn	Hiếu	11/09/2005	CCQ2433A			0.0			
15	2124330040	Nguyễn Quang	Hiếu	08/12/2006	CCQ2433A	1	Quang	7.3	6.0	6.5	
16	2124330046	Phạm Ngọc	Hóa	24/04/2003	CCQ2433B	1	Phạm	7.8	8.0	7.9	
17	2124330102	Lê Việt	Hoàng	10/03/2006	CCQ2433B			0.0			
18	2124330020	Khổng Vũ Tiến	Hưng	27/11/2005	CCQ2433A	1	Hưng	6.7	3.0	4.5	
19	2124330049	Chu Gia	Huy	25/01/2006	CCQ2433B	1	Chu	6.7	9.0	8.1	
20	2124330035	Lê Quốc	Huy	29/06/2006	CCQ2433A	1	Lê	7.3	6.5	6.8	
21	2124330071	Nguyễn Văn Gia	Huy	18/12/2006	CCQ2433B	1	Gia	7.0	3.8	5.1	
22	2124330048	Trương Đan	Huy	06/11/2005	CCQ2433B	1	Đan	6.8	0.5	3.0	
23	2124330072	Đỗ Hoàng	Khánh	26/04/2005	CCQ2433B	1	Hoàng	6.8	4.5	5.4	
24	2124330027	Nguyễn Văn	Khánh	12/12/2005	CCQ2433A	1	Văn	7.3	3.8	5.2	
25	2124330067	Ngô Võ Xuân	Khôi	19/06/2006	CCQ2433B	1	Xuân	6.7	4.5	5.4	
26	2124330025	Đào Tiến	Lâm	08/07/2005	CCQ2433A	1	Đào	7.2	4.5	5.2	
27	2123050179	Thạch Hoàng	Linh	12/10/2004	CCQ2305D	1	Thạch	8.3	9.5	9.0	
28	2124330022	Lê Quốc	Long	03/01/2006	CCQ2433A	1	Quốc	6.8	2.0	3.9	
29	2124330042	Trần Hoài	Nam	08/04/2006	CCQ2433A	1	Hoài	6.3	2.5	4.0	

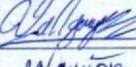
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821101)
Ngày thi: 28/01/2026
Giờ thi: 14g45
Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 26...
Số bài thi:26..
Số tờ giấy thi: 26.

   
Hàng.T.Hiến Trần Minh Hoàng Phan Văn Mỹ

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
30	2124330050	Cao Hữu Gia	Nghĩa	11/04/2006	CCQ2433B	1		6.8	4,0	5,1	
31	2124330068	Huỳnh Văn	Nguyễn	11/09/2006	CCQ2433B	1		6.8	2,0	3,9	
32	2123050141	Vũ Xuân	Nguyễn	16/11/2005	CCQ2305D	1		7.0	5,0	5,8	

10/39

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821102)

Ngày thi: 28/01/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B201

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C	1	Anh	7.6	8.0	7.8	
2	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B	1	Bình	7.8	4.0	5.5	
3	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B	1	Cang	8.8	8.0	8.3	
4	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đặng	24/07/2005	CCQ2305B	1	Đặng	8.0	8.0	8.0	
5	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B	1	Danh	8.6	8.0	8.2	
6	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E	1	Đông	8.0	9.5	8.9	
7	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E	1	Đức	8.2	8.5	8.4	
8	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B	1	Hải	8.8	8.0	8.3	
9	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1	Hải	8.0	7.5	7.7	
10	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E	1	Hào	8.8	8.0	8.3	
11	2123050136	Nguyễn Văn	Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C	1	Hiếu	8.8	10.0	9.5	
12	2123050186	Nguyễn Ngọc	Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	1	Hòa	8.2	9.5	9.0	
13	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B	1	Hội	8.6	5.0	6.4	
14	2123050092	Phạm Ngọc	Huân	21/04/2005	CCQ2305C	1	Huân	7.8	8.0	7.9	
15	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E	1	Huy	8.2	8.5	8.4	
16	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B	1	Huy	8.3	5.0	6.3	
17	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B	1	Kha	7.8	8.0	7.9	
18	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	1	Khoa	8.6	8.0	8.2	
19	2123050083	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	1	Đăng	8.0	8.0	8.0	
20	2122050102	Nguyễn Tấn	Khôi	01/02/2004	CCQ2205C	1	Khôi	8.8	8.0	8.3	
21	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B	1	Thành	8.0	8.0	8.0	
22	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D	1	Minh	8.0	4.0	5.6	
23	2123050169	Đặng Hoài	Nam	22/08/2005	CCQ2305D	1	Nam	8.2	8.0	8.1	
24	2122050015	Trương Đức	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	1	Ngọc	8.2	8.0	8.1	
25	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	CCQ2205C	1	Nhân	8.0	8.5	8.3	
26	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	1	Nhật	8.0	9.5	8.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821102)

Ngày thi: 28/01/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: ...25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050126	Nguyễn Đình	Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	1	Ninh	8.2	9.5	9.0	
2	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B	1	Hán	9.4	9.5	9.5	
3	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B	1	Phong	8.4	7.5	7.9	
4	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B	1	cao	8.8	8.0	8.3	
5	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A	1	Phong	8.2	7.0	7.5	
6	2123050129	Bùi Văn	Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1	Bùi	8.4	7.0	7.6	
7	2123050125	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	1	Phúc	8.4	10.0	9.4	
8	2123050227	Báo Tuấn	Phuong	25/10/2005	CCQ2305E	1	Báo	8.0	5.0	6.2	
9	2123050095	Đặng Thanh	Quân	04/01/2005	CCQ2305C	1	Thanh	8.8	10.0	9.5	
10	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	1	Quân	8.6	8.0	8.2	
11	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1	Quang	8.0	9.5	8.9	
12	2123050090	Đỗ Nhật	Tân	19/04/2005	CCQ2305C	1	Đỗ	8.4	9.5	9.1	
13	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	1	Thanh	7.8	9.5	8.8	
14	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	CCQ2305C	1	Mậu	8.4	9.0	8.8	
15	2123050233	Nguyễn Tấn	Thành	04/07/2005	CCQ2305A	1	Tấn	8.2	5.0	6.3	
16	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D	1	Đào	8.2	4.5	6.0	
17	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D	1	Thịnh	8.2	8.0	8.1	
18	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C	1	Thuận	7.8	7.5	7.6	
19	2123050132	Nguyễn Đức	Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	1	Đức	8.8	9.5	9.2	
20	2123050102	Nguyễn Quốc	Toán	05/05/2005	CCQ2305C	1	Quốc	8.0	9.5	8.9	
21	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	1	Văn	8.4	9.5	9.1	
22	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	1	Trần	8.2	8.5	8.4	
23	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B	1	Quốc	8.2	8.0	8.1	
24	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A	1	Quốc	8.1	8.5	8.3	
25	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A			0.0			
26	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	1	Ý	8.6	7.5	7.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821101)

Ngày thi: 28/01/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124330026	Hồ Văn Ninh	26/03/2006	CCQ2433A	1	Ninh	6.5	2,0	3,8	
2	2123050143	Cao Lâm Triều	19/01/2004	CCQ2305D	1	Triều	7.7	5,5	6,4	
3	2124330047	Nguyễn Văn Phát	30/04/2006	CCQ2433B	1	Phát	6.5	1,0	3,2	
4	2124330037	Nguyễn Tấn Phong	01/02/2006	CCQ2433A	1	Phong	7.7	5,5	6,4	
5	2124330014	Hồ Minh Phú	14/02/2006	CCQ2433A			0.0			
6	2124330063	Nguyễn Hoàng Phú	29/01/2006	CCQ2433B			6.0			
7	2123050147	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D	1	Phúc	8.0	3,5	5,3	
8	2124330028	Nguyễn Thanh Quy	05/02/2006	CCQ2433A	1	Quy	7.0	3,0	4,6	
9	2124330036	Huỳnh Nguyễn Hữu Quý	16/06/2005	CCQ2433A	1	Quý	7.8	4,0	5,5	
10	2124330017	Nguyễn Quang Quyền	19/12/2006	CCQ2433A			5.2			
11	2124330097	Thái Trường Sơn	02/11/2006	CCQ2433B	1	Sơn	7.2	3,5	5,0	
12	2124330076	Đạo Hoàng Thanh Thắng	22/10/2006	CCQ2433B	1	Thắng	6.7	3,8	5,0	
13	2124330033	Lê Hoàng Thắng	10/09/2006	CCQ2433A	1	Thắng	7.0	4,0	5,2	
14	2124330057	Nguyễn Mạnh Thắng	03/04/2006	CCQ2433B	1	Thắng	8.3	9,0	8,7	
15	2124330052	Phan Văn Thắng	25/11/2005	CCQ2433B	1	Thắng	5.7	9,0	2,3	
16	2124330061	Nguyễn Phạm Thanh	25/10/2006	CCQ2433B	1	Thanh	7.0	7,5	7,3	
17	2124330011	Nguyễn Văn Thành	11/03/2004	CCQ2433A	1	Thành	6.7	4,5	5,4	
18	2124330066	Vũ Xuân Thành	07/07/2006	CCQ2433B	1	Thành	7.7	19,0	9,1	
19	2124330054	Nguyễn Văn Thạnh	31/07/2006	CCQ2433B	1	Thạnh	6.0	4,5	5,1	
20	2124330015	Nguyễn Hoàng Thống	18/02/2006	CCQ2433A			0.0			
21	2124330073	Đàng Đức Tiến	25/03/2006	CCQ2433B	1	Tiến	7.3	6,0	6,5	
22	2124330074	Nguyễn Huỳnh Trung Tín	18/09/2006	CCQ2433B	1	Tín	7.3	6,0	6,5	
23	2124330010	Nguyễn Thành Toàn	10/11/2006	CCQ2433A	1	Toàn	8.0	8,0	8,0	
24	2122060061	Triệu Minh Toàn	30/10/2004	CCQ2205D	1	Toàn	7.0	4,5	5,5	
25	2124330075	Phan Chí Trí	10/03/2006	CCQ2433B			0.0			
26	2124330065	Nguyễn Đức Trọng	05/08/2006	CCQ2433B	1	Trọng	6.8	7,5	7,2	
27	2124330064	Nguyễn Viết Trọng	02/07/2006	CCQ2433B	1	Trọng	6.7	9,0	8,1	
28	2123050148	Bùi Đan Trường	13/04/2005	CCQ2305D	1	Trường	7.8	7,0	7,3	
29	2124330041	Nguyễn Xuân Trường	08/09/2006	CCQ2433A	1	Trường	6.3	4,5	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Cung cấp điện (22821101)

Ngày thi: 28/01/2026

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Leo
Ngô Thị
Hong Ha
Vall
Ngô Thị
Hong Ha
G.Viên chấm thi 1
G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
30	2124330030	Châu Đạo Thiên	Tứ	07/06/2006	CCQ2433A	1	7.7	4,0	5,5	
31	2124330001	Khổng Bảo	Tuấn	16/02/1999	CCQ2433A	1	8.2	7,5	7,8	
32	2124330077	Lê Anh	Vũ	19/08/2006	CCQ2433B	1	6.0	2,5	3,9	